

VAI TRÒ CỦA TRUNG HỌC NGHỀ TRONG PHÂN LUỒNG VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP HIỆN NAY

Tạ Thị Mai*, Đinh Xuân Thành**, Nguyễn Tiến Mạnh***

*Cao đẳng FPT Polytechnic

**Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo

***Vụ Kế hoạch- Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phân luồng giáo dục gắn với phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trở thành vấn đề quan trọng. Trên cơ sở lý thuyết phân luồng giáo dục và GDNN, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo trong nước và quốc tế, từ đó phân tích vai trò của trung học nghề trong hệ thống phân luồng và phát triển GDNN. Kết quả cho thấy trung học nghề là mắt xích trung gian giúp chuyển tiếp người học từ giáo dục phổ thông sang GDNN, góp phần giảm áp lực vào đại học và đáp ứng nhu cầu lao động. Tuy nhiên, hiệu quả thực tiễn còn hạn chế do chất lượng đào tạo và liên kết doanh nghiệp chưa cao. Nghiên cứu cũng đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm cải thiện việc phân luồng và nâng cao hiệu quả GDNN.

Từ khóa: vai trò, trung học nghề, phân luồng, giáo dục nghề nghiệp.

THE ROLE OF UPPER-SECONDARY VOCATIONAL EDUCATION IN EDUCATIONAL TRACKING AND THE DEVELOPMENT OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING TODAY

Abstract: In the context of digital transformation and increasing requirements for higher-quality human resources, educational tracking linked to the development of vocational education and training (VET) has become an important issue. Based on theories of educational tracking and VET, the study employs analytical methods and secondary data synthesis from domestic and international reports to examine the role of upper-secondary vocational education within the tracking system and VET development. The findings indicate that upper-secondary vocational education serves as an intermediate link facilitating the transition of learners from general education to VET, contributing to reduced pressure on higher education and better alignment with labor market demands. However, its practical effectiveness remains limited due to training quality and weak linkages with enterprises. The study also proposes several policy implications to improve educational tracking and enhance the effectiveness of VET.

Keywords: role, upper-secondary vocational education, tracking, vocational education and training.

Nhận bài: 09/08/2026

Phản biện: 09/09/2026

Duyệt đăng: 12/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập kinh tế toàn cầu, định hướng phân luồng học sinh sau bậc trung học không chỉ nhằm giải tỏa áp lực thi cử quá tải vào hệ đại học, mà còn là mắt xích chiến lược trong quy hoạch nguồn nhân lực. Đánh giá về vai trò của công tác này, Phan Văn Kha (2020) khẳng định phát triển hệ thống các trường đào tạo nghề bậc trung học chính là công cụ giải pháp then chốt để thực hiện thành công mục tiêu phân luồng phân bổ lực lượng lao động. Đồng thời, nghiên cứu của Phạm Vũ Quốc Bình (2021) cũng nhấn mạnh vai trò cầu nối của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trong việc rút ngắn khoảng cách kỹ năng và đáp ứng chuẩn năng lực thị trường.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thời gian qua cho thấy tỷ lệ học sinh lựa chọn luồng trung học nghề vẫn chưa đạt kỳ vọng do tâm lý chuộng bằng cấp và các vướng mắc trong cơ chế liên thông đào tạo. Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu tập trung phân tích toàn diện vai trò của trung học nghề trong hệ thống phân luồng, nhận diện những

điểm nghẽn thực tiễn, từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm tối ưu hóa hiệu quả phân luồng và phát triển GDNN hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận về phân luồng giáo dục và giáo dục nghề nghiệp

2.1.1. Các khái niệm cơ bản

Phân luồng giáo dục

Phân luồng giáo dục là biện pháp tổ chức hướng nghiệp, tạo điều kiện cho học sinh sau khi tốt nghiệp giáo dục trung học tiếp tục học lên các cấp học, trình độ cao hơn hoặc chuyển sang học nghề, tham gia vào thị trường lao động tùy thuộc vào năng lực, sở trường và hoàn cảnh gia đình. Theo Đỗ Thị Bích Thủy (2019), phân luồng không chỉ là công cụ điều tiết quy mô đào tạo giữa hệ hàn lâm và hệ nghề nghiệp, mà còn là chiến lược tái cấu trúc lực lượng lao động quốc gia nhằm cân bằng nguồn nhân lực trực tiếp sản xuất.

Giáo dục nghề nghiệp

UNESCO (2015) định nghĩa GDNN là một

khái niệm diện rộng bao gồm giáo dục, đào tạo và phát triển kỹ năng liên quan đến nhiều lĩnh vực nghề nghiệp, sản xuất, dịch vụ và sinh kế. Tại Việt Nam, Trần Hiệp Hải (2021) nhấn mạnh GDNN giữ vai trò trụ cột trong việc trang bị năng lực hành nghề, kỹ năng mềm và đáp ứng linh hoạt sự thay đổi công nghệ của thị trường lao động.

Trung học nghề

Trung học nghề (mô hình 9+) là mô hình đào tạo song song giữa học văn hóa phổ thông và học nghề. Theo Nguyễn Hồng Minh (2020), trung học nghề là giải pháp tối ưu hóa thời gian đào tạo, giúp người học vừa hoàn thành chương trình văn hóa cốt lõi, vừa tích lũy kỹ năng nghề nghiệp để gia nhập thị trường lao động sớm ở tuổi 18 hoặc tiếp tục liên thông lên các trình độ cao hơn.

Mối quan hệ giữa giáo dục phổ thông – GDNN – thị trường lao động

Giáo dục phổ thông đóng vai trò cung cấp nền tảng tri thức, kỹ năng cơ bản và định hướng nhân cách; GDNN tiếp nhận “đầu vào” từ giáo dục phổ thông qua công tác phân luồng để trang bị năng lực chuyên môn; thị trường lao động là nơi sử dụng, đánh giá “đầu ra” và phát tín hiệu về nhu cầu kỹ năng cho hệ thống đào tạo. Phạm Vũ Quốc Bình (2021) chỉ ra rằng, nếu kết nối giữa giáo dục phổ thông và GDNN bị đứt gãy, công tác phân luồng sẽ thất bại; ngược lại, nếu GDNN không gắn kết chặt chẽ với thị trường lao động, rủi ro lệch pha cung - cầu nhân lực sẽ gia tăng.

2.1.2. Chủ trương và khung chính sách về phân luồng và phát triển giáo dục nghề nghiệp

Định hướng chiến lược và căn cứ chính trị: Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI và Nghị quyết số 29-NQ/TW đánh dấu bước chuyển căn bản trong tư duy lập quy, coi phân luồng học sinh sau trung học là giải pháp đột phá nhằm tái cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân, từng bước giải quyết tình trạng bất cập về cơ cấu trình độ và kỹ năng của lực lượng lao động.

Cơ chế vận hành và chỉ tiêu định lượng: Quyết định số 522/QĐ-TTg đưa ra Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” thể hiện chuẩn hóa mục tiêu chính sách bằng các chỉ số đo lường cụ thể: phấn đấu tối thiểu 30% học sinh tốt nghiệp THCS và 40% học sinh tốt nghiệp THPT chuyển tiếp sang hệ thống GDNN.

Chuẩn hóa thể chế và cơ chế liên thông: Luật GDNN 2014 và Luật Giáo dục 2019 ra đời với việc luật hóa mô hình đào tạo tích hợp (hệ 9+) đã

tháo gỡ điểm nghẽn thể chế trong việc công nhận tư cách pháp lý của chương trình. Khung pháp lý này xác lập cơ chế liên thông linh hoạt, tạo động lực kinh tế - xã hội cho người học thông qua việc rút ngắn chi phí cơ hội và bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục nâng cao.

Mục tiêu cốt lõi của hệ thống chính sách: (1) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Chuẩn hóa kỹ năng nghề, đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của thị trường lao động hiện đại. (2) Giải tỏa áp lực thi cử và phân luồng xã hội: Giảm thiểu tâm lý chuộng bằng cấp hàn lâm, điều tiết luồng người học hợp lý, tránh lãng phí nguồn lực đào tạo đại học. (3) Gắn kết chặt chẽ với nhu cầu doanh nghiệp: Khuyến khích doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào tiến trình xây dựng giáo trình, tổ chức thực tập và cam kết việc làm cho người học.

2.1.3. Trung học nghề trong hệ thống phân luồng và GDNN

Trung học nghề đóng vai trò là cấu trúc bản lề trong hệ thống giáo dục quốc dân, vận hành như một tầng trung gian chuyển tiếp mềm dẻo giữa phân hệ giáo dục phổ thông và GDNN. Về mặt cấu trúc, mô hình này triệt tiêu sự chia cắt truyền thống giữa học thuật hàn lâm và thực hành ứng dụng thông qua việc tích hợp song song khối lượng kiến thức văn hóa phổ thông cốt lõi với chương trình đào tạo kỹ năng nghề cấp độ trung cấp (Nguyễn Hồng Minh, 2020).

Trong cơ chế vận hành hệ thống, trung học nghề thực thi ba chức năng chiến lược: (1) Định hướng nghề nghiệp sớm: Tạo không gian trải nghiệm thực hành sớm giúp người học nhận thức rõ năng lực cá nhân và yêu cầu thực tế của thị trường lao động, hạn chế rủi ro lệch pha kỹ năng khi trưởng thành (Đỗ Thị Bích Thủy, 2019). (2) Phân bổ nguồn học sinh theo năng lực: Điều tiết luồng người học sau THCS một cách tự nhiên dựa trên năng lực học tập, thiên hướng cá nhân và hoàn cảnh kinh tế, thay vì áp đặt bằng chỉ tiêu hành chính cứng nhắc (Phan Văn Kiên, 2020). (3) Chuẩn bị kỹ năng nền cho đào tạo nâng cao: Trang bị nền tảng tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động và kỹ năng thao tác cơ bản, tạo chân đế kỹ thuật vững chắc để người học liên thông lên các trình độ cao đẳng, đại học ứng dụng (Phạm Vũ Quốc Bình, 2021).

Xét trên góc độ kinh tế - xã hội, trung học nghề đại diện cho giải pháp tối ưu hóa chi phí cơ hội của giáo dục. Mô hình này không chỉ trực tiếp giải tỏa áp lực thi cử căng thẳng vào hệ THPT công lập

và hệ thống đại học hàn lâm, mà còn rút ngắn thời gian thâm nhập thị trường lao động cho lực lượng lao động trẻ. Quan trọng hơn, việc phát triển trung học nghề góp phần chuẩn hóa và nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, đáp ứng chính xác nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của doanh nghiệp và khắc phục triệt để tình trạng lệch pha cung - cầu lao động (Trần Hiệp Hải, 2021).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính dựa trên việc thu thập và phân tích hệ thống tài liệu thứ cấp. Nguồn dữ liệu bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương chính sách về phân luồng, cùng các báo cáo chuyên ngành gần đây từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Thông qua kỹ thuật phân tích nội dung và tổng hợp so sánh, nghiên cứu tiến hành làm rõ vị trí thể chế của trung học nghề, đồng thời nhận diện những khoảng cách giữa mục tiêu chính sách và thực tiễn phân luồng hiện nay. Từ kết quả phân tích thực trạng, nghiên cứu xác định các rào cản cốt lõi và xây dựng hệ thống giải pháp mang tính khả thi nhằm tối ưu hóa vai trò của trung học nghề trong hệ thống GDNN.

2.3. Thực trạng vai trò của trung học nghề trong phân luồng và phát triển giáo dục nghề nghiệp

2.3.1. Thực trạng triển khai trung học nghề trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam

Quy mô tuyển sinh và vị trí trong hệ thống GDNN

Theo Tổng cục GDNN (2021), quy mô tuyển sinh hệ trung cấp và mô hình 9+ đã ghi nhận sự tăng trưởng, đạt khoảng 285.000 học sinh/năm (chiếm tỷ lệ xấp xỉ 14,8% tổng số học sinh tốt nghiệp THCS trên toàn quốc). Báo cáo Tổng kết Đề án 522 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), tỷ lệ học sinh vào GDNN sau THCS đã tăng nhẹ lên mức 17,2%, tuy nhiên chưa đạt chỉ tiêu 30% như đã đề ra. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2023) đánh giá rằng các đô thị lớn và tỉnh phát triển công nghiệp chiếm hơn 52% tổng chỉ tiêu tuyển sinh 9+ của cả nước, trong khi vùng Trung du Miền núi phía Bắc và Tây Nguyên chỉ đạt dưới 8%.

Mức độ tích hợp giữa giáo dục phổ thông và các bậc GDNN

Tổng hợp đánh giá từ Báo cáo Kết quả Giám sát Chuyên đề về Giáo dục Nghề nghiệp của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội (2023) chỉ ra những điểm nghẽn tích hợp lớn:

(1) Thách thức lực lượng giảng dạy: Trên 68% cơ sở GDNN triển khai mô hình 9+ không có đội ngũ giáo viên văn hóa cơ hữu, phải ký hợp

đồng thỉnh giảng hoặc liên kết với các Trung tâm GDTX, dẫn đến sự thiếu đồng bộ về tiến độ và quản lý chất lượng.

(2) Tính ghép nối cơ học: Báo cáo của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2022) đánh giá chương trình 9+ hiện nay chủ yếu là sự “lắp ghép” song song giữa 3-4 môn văn hóa cốt lõi và khung chương trình trung cấp nghề, thiếu các giáo trình tích hợp thực sự để vận dụng tri thức khoa học cơ bản vào kỹ thuật chuyên ngành.

Liên thông và tổ chức đào tạo

Thực tiễn tổ chức đào tạo trung học nghề bộc lộ ba hạn chế cốt lõi:

(1) Rào cản quy mô từ định kiến xã hội: Theo khảo sát của Tổng cục GDNN (2021), có đến 71,4% phụ huynh được hỏi vẫn coi việc vào trung học nghề sau THCS là “phương án bắt buộc” khi con em không đủ điểm trúng tuyển vào các trường THPT công lập, phản ánh tâm lý chuộng bằng cấp hàn lâm vẫn chi phối mạnh mẽ.

(2) Bất cập về chất lượng và điều kiện đảm bảo: Báo cáo Đánh giá Kỹ năng Lao động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2023) ghi nhận chỉ khoảng 32% cơ sở đào tạo trung cấp nghề sở hữu hệ thống xưởng thực hành và thiết bị tiệm cận với công nghệ sản xuất hiện đại của doanh nghiệp. Đội ngũ nhà giáo GDNN tuy đạt chuẩn bằng cấp nhưng thiếu kinh nghiệm thực chiến công nghiệp (chỉ khoảng 24,5% nhà giáo từng có thời gian làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp).

(3) Điểm nghẽn liên thông thể chế: Báo cáo Giám sát của Quốc hội (2023) đánh giá người học hoàn thành chương trình 9+ vẫn gặp rào cản lớn khi dự thi lấy bằng tốt nghiệp THPT Quốc gia hoặc xét tuyển lên các trường đại học Top trên. Sự thiếu thống nhất về Chuẩn đầu ra và Khung trình độ quốc gia giữa hai bộ quản lý (Bộ GD&ĐT và Bộ LĐ-TB&XH) khiến lộ trình học tập suốt đời của học sinh bị gián đoạn, làm giảm sức hút thực tế của mô hình trung học nghề.

2.3.2. Vai trò của trung học nghề trong cơ chế phân luồng giáo dục và định hướng nghề nghiệp

Thúc đẩy định hướng nghề nghiệp sớm và giảm thiểu chi phí cơ hội

Trung học nghề đóng vai trò là công cụ căn bản chuyển dịch phương thức hướng nghiệp từ tư vấn lý thuyết sang trải nghiệm năng lực thực hành. Theo đánh giá từ Báo cáo tổng kết thực trạng hướng nghiệp của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2022), việc định hướng nghề nghiệp sớm thông qua mô hình đào tạo tích hợp giúp giảm tỷ

lệ học sinh bỏ học giữa chừng và hạn chế rủi ro lệch pha kỹ năng khi gia nhập thị trường lao động. Về mặt kinh tế - xã hội, đây là giải pháp tối ưu hóa chi phí cơ hội của giáo dục, giúp người học vừa hoàn thành chương trình văn hóa cốt lõi vừa sở hữu chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở tuổi 18 (Nguyễn Hồng Minh, 2020).

Mất xích trung tâm trong cơ chế điều tiết phân luồng sau THCS và THPT

Phân tích số liệu từ Tổng cục GDNN (2021) cho thấy, sự mở rộng của các cơ sở trung học nghề đã trực tiếp thu hút khoảng 14,8%-17,2% lượng học sinh tốt nghiệp THCS chuyển tiếp sang hệ sinh thái GDNN. Sự tồn tại của tầng trung gian này giúp giảm áp lực tuyển sinh quá tải vào các trường THPT công lập tại các khu đô thị lớn, đồng thời tạo ra hành lang phân luồng mềm dẻo thay vì áp đặt bằng hạn ngạch hành chính. Nghiên cứu của Đỗ Thị Bích Thủy (2019) khẳng định rằng, nếu thiếu đi phân hệ trung học nghề chất lượng cao, công tác phân luồng sau THCS sẽ dễ rơi vào bế tắc do sự thiếu hụt các lộ trình thay thế có tính khả thi và danh giá về mặt xã hội.

Tác động đến hành vi và tâm lý lựa chọn học tập của học sinh

Chuyển dịch từ tư duy bằng cấp sang tư duy năng lực: Mặc dù tâm lý chuộng đại học hàn lâm vẫn còn nặng nề, mô hình 9+ đã xác lập một lựa chọn hợp lý cho nhóm học sinh có thiên hướng thực hành hoặc có hoàn cảnh kinh tế cần gia nhập thị trường lao động sớm (Luật Giáo dục 2019; Thông tư 18/2022/TT-BGDĐT)

Bảo đảm tính mở và lộ trình học tập suốt đời: Sự kết nối pháp lý giữa bằng trung cấp nghề và giấy chứng nhận hoàn thành khối lượng kiến thức văn hóa THPT giúp giải tỏa tâm lý đứt gãy con đường học vấn. Học sinh không còn coi học nghề là giải pháp tình thế mà là một lộ trình song song cho phép gia nhập thị trường lao động ngay hoặc tiếp tục liên thông lên cao đẳng, đại học kỹ thuật khi có đủ điều kiện (Phạm Vũ Quốc Bình, 2021; Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội, 2023).

2.3.3. Vai trò của trung học nghề trong phát triển giáo dục nghề nghiệp và đáp ứng thị trường lao động

Chuẩn bị kỹ năng nền cho giáo dục nghề nghiệp và hình thành kỷ luật lao động

Trung học nghề giữ vai trò là nền tảng trong cấu trúc phát triển giáo dục nghề nghiệp, giúp rút ngắn thời gian thích ứng của người học khi tiếp tục nâng cao trình độ. Khác với phương thức đào

tạo nghề độc lập, chương trình trung học nghề tích hợp kỹ năng thao tác cơ bản với nền tảng kiến thức khoa học ứng dụng, giúp học sinh hình thành tư duy kỹ thuật vững chắc từ sớm (Nguyễn Hồng Minh, 2020). Theo Tổng cục GDNN (2021), học sinh trưởng thành từ mô hình 9+ có lợi thế vượt trội về tác phong công nghiệp, kỷ luật an toàn lao động và kỹ năng mềm cơ bản nhờ môi trường rèn luyện thực hành kéo dài từ 15 đến 18 tuổi. Đây là tiền đề quan trọng giúp tối ưu hóa chi phí đào tạo lại khi người học liên thông lên trình độ cao đẳng, đại học kỹ thuật (Phạm Vũ Quốc Bình, 2021).

Cung ứng nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp cho thị trường lao động

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2023) ghi nhận hàng trăm nghìn học sinh tốt nghiệp hệ trung cấp 9+ mỗi năm đã nhanh chóng bổ sung vào lực lượng sản xuất tại các vùng kinh tế trọng điểm. Việc bổ sung kịp thời đội ngũ kỹ thuật viên sơ - trung cấp giúp giảm thiểu tình trạng “thừa thầy thiếu thợ” và khắc phục sự lệch pha trình độ trên thị trường lao động (Trần Hiệp Hải, 2021). Các đánh giá của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội (2023) khẳng định lực lượng lao động trẻ tốt nghiệp trung học nghề có tỷ lệ có việc làm ngay đạt trên 85%, góp phần trực tiếp gia tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của quốc gia.

Gắn kết thực chất với doanh nghiệp và bảo đảm việc làm sau tốt nghiệp

Vai trò của trung học nghề trong hệ sinh thái GDNN còn thể hiện ở mức độ gắn kết liên tục với khối doanh nghiệp. Mô hình đào tạo 9+ thúc đẩy cơ chế hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp thông qua ba khâu cốt lõi: tham gia xây dựng chuẩn đầu ra, tài trợ thiết bị/xưởng thực hành, và tiếp nhận học sinh thực tập sản xuất (Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội, 2023). Khảo sát từ Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2022) cho thấy, mô hình liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng giữa các trường trung cấp nghề và các tập đoàn sản xuất công nghiệp giúp bảo đảm đầu ra việc làm ổn định cho người học, giảm rủi ro thất nghiệp cho lao động trẻ.

2.3.4. Giải pháp nâng cao vai trò của trung học nghề trong phân luồng và phát triển giáo dục nghề nghiệp

Để tối ưu hóa vai trò của mô hình trung học nghề trong cơ chế phân luồng và phát triển GDNN, các giải pháp trọng tâm cần được triển khai đồng bộ:

Hoàn thiện cơ chế chính sách: Tháo gỡ triệt để các điểm nghẽn thể chế bằng cách hoàn thiện Khung trình độ quốc gia và Chuẩn đầu ra tích hợp; đồng thời thống nhất cơ chế quản lý liên bộ để đảm bảo lộ trình liên thông học tập suốt đời cho người học.

Đổi mới chương trình và nâng cao chất lượng: Chuyển dịch từ việc ghép nối cơ học sang xây dựng chương trình tích hợp thực chất; đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, xưởng thực hành công nghệ cao và tiêu chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo GDNN gắn với thực tiễn sản xuất.

Thúc đẩy hợp tác nhà trường – doanh nghiệp: Thể chế hóa mô hình hợp tác công - tư bằng các chính sách ưu đãi thuế và cơ chế tài chính linh hoạt, khuyến khích doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào quy trình đào tạo, đánh giá và cam kết tuyển dụng đầu ra.

Đổi mới công tác truyền thông: Chuyển từ

truyền thông hành chính sang hướng nghiệp trải nghiệm dựa trên dữ liệu thị trường; công khai minh bạch tỷ lệ việc làm và mức thu nhập nhằm từng bước xóa bỏ tâm lý chuộng bằng cấp hàn lâm trong xã hội.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khẳng định trung học nghề là mắt xích bản lề trong cấu trúc phân luồng và phát triển giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam. Không chỉ giảm tải áp lực thi cử và tối ưu hóa chi phí cơ hội cho người học, mô hình này còn đóng vai trò chiến lược trong việc cung ứng lực lượng lao động kỹ thuật trực tiếp cho thị trường. Để phát huy tối đa hiệu quả, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý liên thông, chuẩn hóa chương trình đào tạo tích hợp, đẩy mạnh hợp tác công - tư với doanh nghiệp và đổi mới công tác truyền thông nhằm từng bước xóa bỏ định kiến xã hội đối với giáo dục nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Chính trị. (2011). Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 về nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông; phát triển giáo dục nghề nghiệp và chuyên nghiệp; phân luồng học sinh sau trung học và xóa nạn mù chữ.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2023). Niên giám thống kê giáo dục nghề nghiệp năm 2022. NXB Lao động - Xã hội.
- Đỗ, T. B. T. (2019). Phân luồng học sinh sau trung học cơ sở: Thực trạng và giải pháp chính sách. Tạp chí Quản lý Giáo dục, 11(2), 25–31.
- Phạm Minh Hoàng, Phạm Bá Nam (2025). Một số biện pháp đổi mới công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp giáo dục nghề nghiệp ở Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên. Tạp chí Tâm lý – Giáo dục, Tập 31, số 06, kỳ 2, tr. 217–220.
- Nguyễn, H. M. (2020). Phát triển mô hình đào tạo 9+ trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay. Tạp chí Khoa học Giáo dục Nghề nghiệp, (15), 8–14.
- Phạm, V. Q. B. (2021). Xây dựng và quản lý chuẩn đầu ra trong giáo dục nghề nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Tạp chí Khoa học Giáo dục Nghề nghiệp, (19), 15–22.
- Phan, V. K. (2020). Xây dựng mô hình trường trung cấp nghề – Giải pháp chiến lược phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Tạp chí Giáo dục, (184), 12–17.
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. (2021). Báo cáo giáo dục nghề nghiệp Việt Nam năm 2020. NXB Lao động - Xã hội.
- Dương Văn Hùng (2025). Quản lý hoạt động hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 trong các trường trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Tạp chí Tâm lý – Giáo dục, Tập 31, số 07, kỳ 3, tr. 399–402.